TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:34/2021/HS-ST
Ngày 22-4-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Nguyễn Thị Phương;

2.Ông Nguyễn Văn Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái B tham gia phiên toà: Ông Trần Viết Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 4 năm 2021, đối với các bị cáo:

1.Lê Quang T sinh ngày 02/6/1980; nơi sinh: huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: L1, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình ; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Quang T (đã chết- được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến) và bà Vũ Thị T sinh năm 1937; vợ: Vũ Thị H sinh năm 1985; con: Có 01 con sinh năm 2004;

Tiền án, tiền sự: Không.

2.Nguyễn Văn B sinh ngày 20/3/1989; nơi sinh: huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn L3, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Vũ Thị C sinh năm 1964; vợ: Nguyễn Thị T sinh năm 1996; con: Có 01 con sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tháng 02/2011 nhập ngũ đến tháng 8/2012 xuất ngũ; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 113/QĐ-XPVPHC ngày 15/5/2013, Công an huyện Q xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi "*Đánh bạc*", chấp hành xong ngày 17/5/2013.

3.Vũ Kim TH sinh ngày 25/4/1965; nơi sinh: huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: L1, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Kim T (đã chết) và bà Trương Thị S sinh năm 1934; vợ: Phạm Thị M sinh năm 1966, con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1994;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tháng 3/1983 nhập ngũ, tháng 6/1986 xuất ngũ; Quyết định xử phạt vi phạm hàn chính số 66C/QĐ-XPVPHC ngày 28/10/2015 của Công an huyện Q xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi "*Đánh bạc*", chấp hành xong ngày 24/01/2015.

4.Nguyễn Hữu K sinh ngày 24/8/1971; nơi sinh: huyện Q, tỉnh Thái Bình ; nơi cư trú: L1, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình ; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hữu Tr sinh năm 1946 (được Nhà nước tặng Huy chương chiến sỹ giải phóng) và bà Phạm Thị P sinh năm 1951; vợ: Nguyễn Thị H sinh năm 1976; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2002;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tháng 3/1989 nhập ngũ đến tháng 4/1991 xuất ngũ.

5.Lê Văn T1 sinh ngày 05/5/1965; nơi sinh: huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: L1, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn H và bà Hoàng Thị T (đều đã chết); vợ: Vũ Thị Q sinh năm 1969; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1991;

Tiền án, tiền sự: Không.

6.Phạm Xuân C sinh ngày 04/12/1989; nơi sinh: huyện Q, tỉnh Thái Bình ; nơi cư trú: L1, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn T sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Gsinh năm 1965; vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không.

7.Vũ Hữu T2 sinh ngày 05/5/1969; nơi sinh: huyện Q, tỉnh Thái Bình ; nơi cư trú: Thôn L2, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Hữu Y (liệt sỹ) và bà Tạ Thị T sinh năm 1937; vợ: Lê Thị N sinh năm 1971; con: Có 03 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1998;

Tiền án, tiền sự: Không.

Các bị cáo đều bị tạm giữ từ ngày 02/01/2021 đến ngày 04/01/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn B sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn L3, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

- Bà Nguyễn Thị N sinh năm 1963; địa chỉ: L1, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt các bị cáo và anh B, vắng mặt bà N).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 23 giờ 10 phút ngày 01/01/2021, tại phòng ngủ tầng 2 của gia đình bà Nguyễn Thị N ở L1, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình, Công an huyện Q phát hiện bắt quả tang Lê Quang T, Vũ Kim TH, Lê Văn T1, Nguyễn Hữu K, Phạm Xuân C, Vũ Hữu T2 và Nguyễn Văn B đang đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh "*Liêng*". Tại thời điểm bắt quả tang còn có Nguyễn Văn B đang ngồi xem đánh bạc. B khai nhận có tham gia đánh bạc từ khoảng 21 giờ 05 phút đến 21 giờ 35 phút thì thua hết tiền nên không đánh nữa. Cơ quan Công an đã thu giữ trên chiếu bạc số tiền 5.560.000 đồng, 01 bộ bài T2 lơ khơ 52 lá bài và 01 thảm đỏ; quản lý trên người T 700.000 đồng, T1 200.000 đồng, cả hai đều khai là tiền dùng để đánh bạc. Ngoài ra, cơ quan Công an không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài sản, giấy tờ gì khác.

Quá trình điều tra xác định như sau: Các bị cáo đều là người cùng thôn, xã quen biết nhau. Khoảng 21 giờ ngày 01/01/2021, khi T, T1 và K đang ngồi chơi uống nước tại đám cưới nhà anh Nguyễn Viết Kiêm ở L1, xã H thì T nảy sinh ý định đánh bạc nên rủ T1 và K "*Anh em mình làm tý liêng ăn tiền*". T1 và K đồng ý. Sau đó T đi mua bộ bài T2 lơ khơ làm dụng cụ đánh bạc rồi rủ T1 và K lên phòng ngủ tầng 2 nhà bà Nguyễn Thị N (liền kề nhà anh K) để đánh bạc. Cả ba vào phòng ngủ tầng 2, ngồi quây tròn trên tấm thảm đỏ trải sẵn trên nền nhà, cùng thống nhất đánh bạc dưới hình thức đánh "*liêng*", mức góp gà cố định 10.000 đồng/người/ván; tố cao nhất không quá 100.000 đồng/người/ván. Thống nhất xong T, T1 và K bỏ tiền ra, bắt đầu đánh bạc. Hình thức chơi và cách chơi và cách tính thắng thua mỗi ván bạc như sau: Khi bắt đầu chơi mỗi người tham

gia đánh bạc phải đặt 10.000 đồng tiền góp gà. Người chia bài lần lượt chia cho mỗi người ba lá bài, số lá bài còn lại được để xuống chiếu. Những người chơi cầm lá bài của mình lên. Người chia bài là người được quyền "*tố*" đầu tiên, lần lượt ngược chiều kim đồng hồ đến những người tiếp theo tố. Việc tố nhiều hay ít tùy theo tính toán của người chơi, số tiền người tố sau phải bằng hoặc cao hơn số tiền người tố trước đã tố, số tiền tố mỗi lần cao nhất không quá 100.000 đồng. Nếu trong ván bạc có người thấy ván bài của mình không có khả năng thắng thì có thể úp bài xin thua và sẽ bị mất toàn bộ số tiền góp gà và tiền tố trước đó. Trong ván bạc nếu chỉ có một người tố thì, những người tham gia chơi còn lại không theo thì người tố này đương nhiên thắng và được hưởng toàn bộ số tiền góp gà và tiền những người chơi khác đã tố. Trong trường hợp không còn người nào tố thêm thì tất cả những người theo đến cuối cùng và người tố sẽ tính điểm để xác định người thắng. Cách tính như sau: các lá bài 10, J, Q, K tính là 0 điểm; các lá bài từ A đến 9 tương đương với số điểm từ 1 đến 9 điểm. Điểm của bài được tính bằng tổng điểm của ba lá bài, nếu tổng điểm lớn hơn 10 thì chỉ lấy số hàng đơn vị. Thứ tự tính điểm 0 điểm nhỏ hơn (<) 1 điểm< 2 điểm.....< 9 điểm< Liêng (ba quân có thứ tự liên tục, liêng QKA là to nhất, liêng A, 2, 3 là nhỏ nhất) < Sáp (ba quân bài giống nhau, áp AAA là to nhất, sáp 222 là nhỏ nhất). Trong ván bạc người chơi có số điểm bằng nhau thì căn cứ vào thứ tự chất bích< tép < cơ < rô để phân biệt thắng thua, quân A rô là to nhất, quân 2 bích là nhỏ nhất. Người thắng được hưởng toàn bộ số tiền gà và tiền những người chơi khác đã tố và là người chia ván bạc tiếp theo. Bị cáo T là người chia ván bài đầu tiên. Trong thời gian từ 21 giờ 05 phút đến 21 giờ 25 phút cùng ngày, lần lượt có Nguyễn Văn B, Vũ Kim TH và Vũ Hữu T2 đến tham gia đánh bạc. Đến khoảng 21 giờ 35 phút cùng ngày, B thua hết số tiền nên đã bỏ đi. Khoảng 05 phút sau Phạm Xuân C đến và tham gia đánh bạc. Khoảng 22 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn B đến tham gia đánh bạc. lúc này, vị trí ngồi đánh bạc của các bị cáo tính từ người ngồi gần cửa ra vào nhất bắt đầu là TH, tiếp đến tính theo chiều quay của kim đồng hồ lần lượt là C, T, T2, B, T1, K. Đánh bạc đến 23 giờ cùng ngày, T1 thua hết tiền nên vay của K 500.000 đồng để đánh bạc tiếp. K đồng ý cho vay, không tính lãi. Khoảng 23 giờ 05 phút cùng ngày, B quay lại ngồi xem đánh bạc được khoảng 05 phút thì bị Công an huyện Q bắt quả tang. Từ khi bắt đầu đánh bạc đến khi bị bắt quả tang, các bị cáo không thay đổi cách thức đánh bạc, mức độ sát phạt. Nguyễn Văn B chỉ đánh bạc với Lê Quang T, Lê Văn T1, Nguyễn Hữu K, Vũ Kim TH và Vũ Hữu T2, tại thời điểm B bỏ đi Phạm Xuân C và Nguyễn Văn B chưa tham gia đánh bạc, T1 chưa vay tiền của K để đánh bạc.

Các bị cáo và anh Nguyễn Văn B khai nhận số tiền đánh bạc như sau: Lê Quang T mang theo số tiền 950.000 đồng để đánh bạc, đã lấy ra đánh bạc 250.000 đồng, khi bị bắt quản lý trên người 700.000 đồng. K mang theo số tiền 1.500.000 đồng dùng để đánh bạc. Khoảng 23 giờ ngày 01/01/2021, K lấy ra 500.000 đồng trong số tiền đánh bạc của mình cho T1 vay để đánh bạc. T1 mang theo 600.000 đồng dùng để đánh bạc, sau đó bị thua hết tiền nên đã vay của K 500.000 đồng để tiếp tục đánh bạc, số tiền T1 dùng để đánh bạc 1.100.000 đồng,

đã lấy ra 900.000 đồng, khi bị bắt quản lý trên người 200.000 đồng. B có số tiền đánh bạc là 1.270.000 đồng, đánh bạc bị thua hết nên không đánh nữa. TH có số tiền đánh bạc là 500.000 đồng. T2 có số tiền đánh bạc là 80.000 đồng. C có số tiền đánh bạc là 720.000 đồng. B có số tiền đánh bạc là 840.000 đồng. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 6.460.000 đồng

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đều thừa nhận số tiền đánh bạc của mình.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn B khai: Khoảng hơn 21 giờ ngày 01/01/2021 anh có đến nhà bà Nguyễn Thị N để đánh bạc cùng với Lê Quang T, Lê Văn T1, Nguyễn Hữu K, Vũ Kim TH và Vũ Hữu T2 anh đánh được một lúc thì không đánh nữa do hết tiền một lúc sau anh quay lại ngồi xem đến khi bị phát hiện. Anh đánh bạc tổng số tiền là 1.270.000 đồng. Anh đã bị Công an huyện Q xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, anh đã nộp đủ số tiền phạt.

Quá trình điều tra, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N khai: Bà không biết các bị cáo đánh bạc tại nhà bà vào ngày 01/01/2021, đối với 01 thảm đỏ đã thu giữ là vật chứng của vụ án bà không có ý kiến gì.

Bản cáo trạng số 30/CT-VKSQP ngày 18/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình truy tố các bị cáo Lê Quang T, Nguyễn Văn B, Vũ Kim TH, Nguyễn Hữu K, Lê Văn T1, Phạm Xuân C và Vũ Hữu T2 về tội "*Đánh bạc*" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Lê Quang T, Nguyễn Văn B, Vũ Kim TH, Nguyễn Hữu K, Lê Văn T1, Phạm Xuân C và Vũ Hữu T2 về tội "*Đánh bạc*" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh tuyên bố bị cáo Lê Quang T, Nguyễn Văn B, Vũ Kim TH, Nguyễn Hữu K, Lê Văn T1, Phạm Xuân C và Vũ Hữu T2 phạm tội "*Đánh bạc*";

Về hình phạt chính: áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tất cả các bị cáo, áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Hữu T2, áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Hữu K, Vũ Kim TH, Nguyễn Văn B và Lê Quang T, áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo T, B, TH, K và T1: xử phạt bị cáo T từ 10 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 20 tháng đến 24 tháng; các bị cáo B, TH, K và T1 mỗi bị cáo từ 08 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng; áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo C từ 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian tạm giữ 03 ngày (từ ngày 02/01/2021 đến ngày 04/01/2021) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, không

áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập đối với bị cáo C; áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T2 từ 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) đến 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung các bị cáo T, B, TH, K, T1 và C mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) đến 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phát bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T2.

Ngoài ra, còn đề nghị về xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì; Các bị cáo nói lời sau cùng: nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất ân hận về hành vi mà mình đã thực hiện và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận do hám lời, mục đích tư lợi cá nhân nên các bị cáo đã sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh liêng. Các bị cáo đã đủ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng xã hội, làm ảnh hưởng tới cuộc sống của mỗi gia đình, nếp sống văn minh của xã hội. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản quản lý niêm phong đồ vật tài liệu, sơ đồ hiện trường vụ án, cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng thời gian từ 21 giờ 40 phút ngày 01/01/2021, tại phòng ngủ tầng 2 nhà bà Nguyễn Thị N ở L1, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình, các bị cáo Lê Quang T, Nguyễn Văn B, Vũ Kim TH, Nguyễn

Hữu K, Lê Văn T1, Phạm Xuân C và Vũ Hữu T2 đã cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh "*Liêng*", đến 23 giờ 10 phút cùng ngày thì bị phát hiện, bắt giữ, thu giữ số tiền đánh bạc 6.460.000 đồng, trong đó: Lê Quang T sử dụng số tiền đánh bạc 950.000 đồng; K mang theo số tiền đánh bạc 1.500.000 đồng; T1 dùng số tiền đánh bạc 1.100.000 đồng (lúc đầu có 600.000 đồng bị thua nên đã vay thêm của T1 500.000 đồng); TH có số tiền đánh bạc 500.000 đồng; T2 có số tiền đánh bạc 80.000 đồng; C có số tiền đánh bạc 720.000 đồng; B có số tiền đánh bạc 840.000 đồng. Hành vi của bị cáo Lê Quang T, Lê Văn T1, Nguyễn Hữu K, Vũ Kim TH, Vũ Hữu T2, Phạm Xuân C, Nguyễn Văn B đã phạm tội "*Đánh bạc*", được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Điều 321.Tội đánh bạc

"1.Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy đình tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố các bị cáo: Lê Quang T, Nguyễn Văn B, Vũ Kim TH, Nguyễn Hữu K, Lê Văn T1, Phạm Xuân C và Vũ Hữu T2 phạm tội "*Đánh bạc*" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy: Hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an và tạo dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân, còn là một trong những nguyên nhân dẫn đến các tội phạm khác, để có tiền các bị cáo không chịu lao động mà lại thực hiện hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền, dưới hình thức đánh liêng, vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo là người cùng thôn, xã, việc phạm tội của các bị cáo mang tính chất tự phát, không có sự bàn bạc phân công vai trò của từng người, các bị cáo đều tham gia với vai trò là người thực hành nhưng cũng cần thấy được vai trò của từng bị cáo để lên một mức án tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra. Bị cáo Lê Quang T là người khởi xướng, là người đi mua bộ bài tú lơ khơ, cùng với T1 và K thống nhất tỷ lệ sát phạt, là người chia ván bài đầu tiên, có thời gian đánh bạc dài nhất, có số tiền đánh bạc nhiều thứ ba trong vụ án (950.000 đồng). Bị cáo Nguyễn Hữu K cùng với T và T1 thống nhất tỷ lệ sát phạt, có thời gian đánh bạc dài nhất, số tiền

đánh bạc nhiều nhất trong vụ án (1.500.000 đồng), là người cho T1 vay (500.000 đồng). Bị cáo Lê Văn T1 cùng với T và K thống nhất tỷ lệ sát phạt, có thời gian đánh bạc dài nhất, có số tiền đánh bạc nhiều thứ hai trong vụ án (1.100.000 đồng). Bị cáo Nguyễn Văn B có thời gian đánh bạc ngắn hơn nhưng số tiền đánh bạc nhiều thứ tư trong vụ án (840.000 đồng). Bị cáo Phạm Xuân **C** có thời gian đánh bạc ít, có số tiền đánh bạc không nhiều (720.000 đồng). Bị cáo Vũ Kim TH có thời gian đánh bạc nhiều thứ hai trong vụ án có số tiền đánh bạc ít 500.000 đồng. Bị cáo Vũ Hữu T2 có thời gian đánh bạc nhiều thứ hai trong vụ án nhưng lại có số tiền đánh bạc ít nhất trong vụ án (80.000 đồng). Như vậy, bị cáo T là người có vai trò thứ nhất, bị cáo K có vai trò thứ hai, bị cáo T1 vai trò thứ ba, bị cáo B giữ vai trò thứ tư, bị cáo C có vai trò thứ năm, bị cáo TH có vai trò thứ sáu, bị cáo T2 vai trò cuối cùng trong vụ án.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết quy định tại điểm i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vũ Hữu T2 có bố đẻ là liệt sỹ nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Hữu K, Vũ Kim TH và Nguyễn Văn B có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự; bị cáo Lê Quang T và Nguyễn Hữu K có bố đẻ là người có công nên các bị cáo K, TH, B và T được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân các bị cáo thì thấy: Các bị cáo Lê Quang T, Lê Văn T1, Nguyễn Hữu K, Vũ Hữu T2 và Phạm Xuân C là những người có nhân thân tốt. Bị cáo Vũ Kim TH đã bị xử phạt hành chính (về hành vi đánh bạc) năm 2015, bị cáo B cũng đã bị xử phạt hành chính (về hành vi đánh bạc) năm 2013 nhưng các bị cáo đều đã chấp hành xong và trong suốt thời gian dài các bị cáo không có hành vi vi phạm pháp luật nào.

[8] Về loại và mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo: Mặc dù bị cáo T có vai trò cao nhất trong vụ án nhưng bị cáo chưa bị xử phạt lần nào, bị cáo B có thời gian đánh bạc ít nhất nhưng số tiền đánh bạc nhiều thứ tư trong vụ án (840.000 đồng), bị cáo TH có thời gian đánh bạc nhiều thứ hai trong vụ án nhưng số tiền đánh bạc lại ít hơn bị cáo B. Bị cáo TH và B cũng đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc nên mức án của bị cáo T, TH và B là ngang nhau. Bị cáo K có số tiền đánh bạc cao nhất trong vụ án (1.500.000 đồng), lại cho bị cáo T1 vay tiền nhưng được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo T1 có số tiền đánh bạc ít hơn (1.100.000 đồng) nhưng lại vay tiền của bị cáo K, không

được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên mức án của bị cáo T1 và K là ngang nhau và thấp hơn bị cáo T, B và TH. Do các bị cáo T, B, TH, T1 và K phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định rõ ràng nên cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cho các bị cáo được áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách phù hợp cũng đủ để giáo dục cải tạo các bị cáo. Bị cáo C có thời gian đánh bạc không nhiều và số tiền đánh bạc không nhiều (720.000 đồng) lại có nhân thân tốt nên cần áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo C, cho bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ tại địa phương, do bị cáo kinh tế khó khăn, sống phụ thuộc gia đình nên không áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Bị cáo T2 có số tiền đánh bạc ít nhất nên cần áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự phạt tiền đối với các bị cáo T2 cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung. Mức án áp dụng đối với các bị cáo như mức mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*". Xét thấy, các bị cáo phạm tội với động cơ tư lợi và sát phạt nhau bằng tiền, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Lê Quang T, Nguyễn Văn B, Vũ Kim TH, Nguyễn Hữu K, Lê Văn T1 và Phạm Xuân C để các bị cáo thấy được ý nghĩa của việc có tiền từ lao động chân C. Mức hình phạt áp dụng như đề nghị của Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp. Do bị cáo Vũ Hữu T2 đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T2.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 6.460.000 đồng đã thu giữ của các bị cáo, đây là số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; đối với 01 thảm đỏ đã cũ và 01 bộ bài lơ khơ 52 lá là công cụ để các bị cáo đánh bạc nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Do các bị cáo tự ý vào phòng ngủ tầng 2 của gia đình bà Nguyễn Thị N để đánh bạc nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q không xử lý đối với bà N là phù hợp.

[12] Anh Nguyễn Văn B tham gia đánh bạc cùng với Lê Quang T, Lê Văn T1, Nguyễn Hữu K, Vũ Kim TH và Vũ Hữu T2 với tổng số tiền đánh bạc được chứng minh là 4.900.000 đồng. Anh B không có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc. Vì vậy Công an huyện Q đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành C đối với anh B là phù hợp.

[13] Về án phí: Các bị cáo Lê Quang T, Nguyễn Văn B, Vũ Kim TH, Nguyễn Hữu K, Lê Văn T1 và Phạm Xuân **C** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm,

bị cáo Vũ Hữu T2 có bố là liệt sỹ và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vũ Hữu T2 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm d khoản 1 Điều 12 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[14] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Quang T, Nguyễn Văn B, Vũ Kim TH, Nguyễn Hữu K, Lê Văn T1, Phạm Xuân C và Vũ Hữu T2 phạm tội "*Đánh bạc*".

2.Về hình phạt:

2.1.Áp dụng: Khoản 1 và khoản 3 Điều 321, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm i và s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Quang T 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Quang T 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

2.2.Áp dụng: Khoản 1 và khoản 3 Điều 321, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm i và s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn B 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

2.3.Áp dụng: Khoản 1 và khoản 3 Điều 321, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm i và s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Vũ Kim TH 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng

Phạt bổ sung bị cáo Vũ Kim TH 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

2.4.Áp dụng: Khoản 1 và khoản 3 Điều 321, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm i và s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu K 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Hữu K 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

2.5.Áp dụng: Khoản 1 và khoản 3 Điều 321, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm i và s khoản 1 Điều 51và 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Văn T1 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Văn T1 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

Thời gian thử thách đối với các bị cáo Lê Quang T, Nguyễn Văn B, Vũ Kim TH, Lê Văn T1 và Nguyễn Hữu K tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2.6.Áp dụng: Khoản 1 và khoản 3 Điều 321, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm i và s khoản 1 Điều 51và Điều 36 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Xuân C 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian tạm giữ 03 ngày (từ ngày 02/01/2021 đến ngày 04/01/2021) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng 21 (Hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Phạm Xuân C cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã H nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Không áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Phạm Xuân C

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Xuân C 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

2.7.Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm i, s, x khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Hữu T2 25.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Vũ Hữu T2.

3.Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu số tiền đánh bạc 6.460.000 đồng (*Sáu triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng)* đã thu giữ của các bị cáo để nộp vào Ngân sách Nhà nước (được niêm phong trong phong bì)

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá và 01 thảm đó đã cũ.

(*Các vật chứng trên đươc được thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Q ngày 06/01/2020)*

4.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Lê Quang T, Lê Văn T1, Nguyễn Hữu K, Vũ Kim TH, Phạm Xuân C, Nguyễn Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vũ Hữu T2.

5.Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Lê Quang T, Nguyễn Văn B, Vũ Kim TH, Nguyễn Hữu K, Lê Văn T1, Phạm Xuân C, Vũ Hữu T2 và anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết, tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Q;
- VKSND tỉnh Thái B;
- Cơ quan Điều tra CA h. Q;
- Cơ quan THAHS CA h.Q;
- Chi cục THADS h.Q;
- UBND xã H, h.Q;
- TAND tỉnh Thái Bình, Sở Tư pháp Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên
(Đã ký)